

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

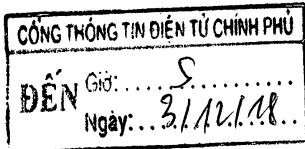
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **17** /2018/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **20** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp huyện trở lên; các Hội có tính chất đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế; người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ; Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn Điều lệ;
Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;
Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Thực hiện Quyết định số 850-QĐ/TU ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về việc Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 754/TTr-SNV ngày 05 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp huyện trở lên; các Hội có tính chất đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế; người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Bãi bỏ Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức tỉnh Yên Bái và Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ tỉnh; các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra văn bản)
- Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý quản lý cán bộ, công chức, viên chức,
người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập
từ cấp huyện trở lên; các Hội có tính chất đặc thù được Ủy ban nhân dân
tỉnh giao biên chế; người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp nhà nước
và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp huyện trở lên, các Hội có tính chất đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế; người quản lý tại doanh nghiệp nhà nước hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Các nội dung về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Yên Bái không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quyết định số 850-QĐ/TU ngày 07/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ và các quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan hành chính; công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế.

3. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế.

4. Các trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động khác tại các đơn vị sự nghiệp công lập được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập ký hợp đồng.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên tại các doanh nghiệp nhà nước; người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước trên địa bàn tỉnh (gọi chung là người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp).

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao; phù hợp với mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó sẽ quyết định về việc: Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; cho từ chức, đình chỉ công tác, cho thôi việc; nghỉ hưu; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác.

4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được phân cấp thực hiện nghiêm quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp

1. Quản lý biên chế, vị trí việc làm, số lượng người làm việc.

2. Tuyển dụng công chức, viên chức và quản lý hợp đồng lao động.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, đình chỉ công tác, cho thôi việc; cử làm người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước; nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác.

5. Bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức; thăng hạng, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức.

6. Quản lý số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Điều 5. Danh mục cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phân cấp quản lý

1. Danh mục các chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về mặt nhà nước trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy:

a) Giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương;

b) Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp huyện;

c) Chi cục trưởng các chi cục và tương đương thuộc các sở, ban, ngành;

d) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh;

đ) Giám đốc, phó giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;

e) Hiệu trưởng các trường Cao đẳng công lập;

g) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên được ngân sách nhà nước bảo đảm trên 50% kinh phí hoạt động;

h) Chủ tịch, Phó chủ tịch: Hội Chữ thập đỏ; Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật tỉnh; Hội Nhà báo tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

i) Phó chủ tịch, Tổng thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh;

k) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty các doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc tỉnh Yên Bái;

l) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh.

2. Danh mục các chức danh thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

a) Cấp phó các chi cục và tương đương thuộc các sở, ban, ngành;

b) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có hệ số phụ cấp dưới 0,7 và cấp phó các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ban, ngành;

c) Phó hiệu trưởng các trường cao đẳng công lập;

d) Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội cấp tỉnh, Hiệp hội thuộc khối nhà nước (trừ các chức danh quy định tại điểm h, điểm i khoản 1 Điều này);

đ) Người giữ các chức danh quản lý tại các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước (trừ các chức danh quy định tại điểm k khoản 1 Điều này);

e) Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh.

3. Danh mục các chức danh thuộc diện các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

Các chức danh còn lại, trừ các chức danh đã được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ theo Quyết định số 850-QĐ/TU ngày 07/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được điều chỉnh, bổ sung, thay thế thì danh mục quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo văn bản điều chỉnh, bổ sung, thay thế Quyết định số 850-QĐ/TU ngày 07/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, THẨM QUYỀN QUẢN LÝ

Điều 6. Trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quản lý biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng biên chế công chức trong các cơ quan hành chính; phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Quyết định cơ chế quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;

c) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính; điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định điều chỉnh vị trí việc làm khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, đình chỉ công tác, cho thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức:

a) Trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định các nội dung tại khoản 2 Điều này đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý;

b) Trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung tại khoản 2 Điều này đối với các chức danh thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

c) Báo cáo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về việc điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị: Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù; điều động, tiếp nhận, tăng cường công chức từ cấp tỉnh về cấp huyện và ngược lại; việc điều động công chức, viên chức từ khối nhà nước sang công tác tại khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh và ngược lại; việc tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài phạm vi quản lý của tỉnh về công tác tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tuyển dụng công chức, viên chức và quản lý hợp đồng lao động:

a) Quyết định tổ chức tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt kế hoạch, hình thức tuyển dụng viên chức theo đề nghị của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; giám sát việc tuyển dụng theo quy định;

b) Chấp thuận đề người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù được giao biên chế thực hiện việc ký hợp đồng lao động (trừ các trường hợp ký hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chỉ tiêu);

c) Quyết định xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài; đi nước ngoài công tác, giải quyết việc riêng và chính sách cán bộ ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ hoặc Thường trực Tỉnh ủy;

b) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, công tác ở nước ngoài hoặc đi nước ngoài giải quyết việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trên cơ sở nghị quyết của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp và tương đương; bồi dưỡng viên chức hạng I; phê duyệt danh sách cử cán bộ, công chức, viên chức bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính và tương đương;

c) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ, bác sỹ chuyên khoa I, bác sỹ chuyên khoa II thuộc danh mục hỗ trợ đào tạo của tỉnh;

d) Quyết định mở các lớp đào tạo theo kế hoạch đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

4. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, đình chỉ công tác; cho thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức:

a) Quyết định về mặt nhà nước trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội khác; các chức danh chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương;

b) Quyết định về mặt nhà nước trên cơ sở nghị quyết của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này đối với các chức danh do Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

c) Trao đổi ý kiến với Bộ Nội vụ về việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với chuyên viên cao cấp và tương đương do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ;

d) Quyết định phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định;

đ) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng của các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I có thu chi ngân sách nhà nước cấp tỉnh) sau khi có ý kiến của các sở Nội vụ và Tài chính.

5. Bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức; thăng hạng, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức:

a) Quyết định cử công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; chuyên viên chính và tương đương;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thanh tra viên chính, thanh tra viên theo quy định;

c) Bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch chuyên viên chính và tương đương sau khi có thông báo kết quả của cấp có thẩm quyền;

d) Quyết định cử viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông tham dự xét từ hạng II lên hạng I; tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I và hạng III lên hạng II đối với các viên chức giữ chức danh nghề nghiệp khác theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành;

đ) Quyết định bổ nhiệm, xếp lương vào hạng chức danh nghề nghiệp sau khi có kết quả từ hạng II lên hạng I đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở; từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông và các viên chức giữ chức danh khác sau khi có thông báo của cấp có thẩm quyền;

e) Phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập và các trường chuyên biệt từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với các viên chức giữ chức danh nghề nghiệp khác theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

6. Đối với người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Quyết định về mặt nhà nước trên cơ sở kết luận của Thường trực Tỉnh uỷ về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty;

b) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với: Thành viên Hội đồng thành viên công ty, Giám đốc công ty;

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên công ty.

7. Đối với người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

a) Quyết định về mặt nhà nước trên cơ sở kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về việc cử, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước để bầu hoặc đề nghị miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Quyết định cử, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước để bầu, bổ nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty;

8. Đối với người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ:

Quyết định chỉ định, miễn nhiệm, khen thưởng, đánh giá, kỷ luật; mức lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 8. Trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Nội vụ

1. Quản lý biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:

a) Tổng hợp, thẩm định các nội dung tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Quy định này trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Căn cứ quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế các Hội có tính chất đặc thù, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương, ban hành văn bản thông báo chỉ tiêu, cơ cấu biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP;

c) Thống nhất với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội có tính chất đặc thù, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh chỉ tiêu, cơ cấu biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (nằm trong tổng chỉ tiêu biên chế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao) khi có sự thay đổi về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc.

2. Tuyển dụng công chức, viên chức và quản lý hợp đồng lao động:

a) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung tại khoản 2 Điều 7 Quy định này;

b) Trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành thông báo kết quả tuyển dụng và ký quyết định tuyển dụng công chức;

c) Quyết định công nhận hết thời gian tập sự và bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức; hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với công chức không đạt yêu cầu hoặc bị xử lý kỷ luật trong thời gian tập sự;

d) Thẩm định đề các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù ký hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này;

b) Quyết định mở các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại tỉnh theo kế hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; các lớp bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương;

c) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; phối hợp kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

4. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, đình chỉ công tác, cho thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

a) Tham mưu các nội dung tại khoản 4 Điều này đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý để báo cáo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ hoặc Thường trực Tỉnh ủy quyết định. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về mặt nhà nước trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy;

b) Thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung tại khoản 4 Điều này đối với các chức danh thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

c) Thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy các nội dung tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quy định này; quyết định trên cơ sở kết luận của Thường trực Tỉnh ủy;

d) Thẩm định và thông báo kết quả thẩm định việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức Hội có tính chất đặc thù, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh được đi liên hệ và chuyển công tác đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi quản lý của tỉnh theo nguyện vọng cá nhân trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và các trường hợp được tuyển dụng, cử đi đào tạo theo chính sách thu hút, khuyến khích của tỉnh);

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổng hợp, thẩm định các đối tượng được hưởng chế độ chính sách khác, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nội dung quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 7 Quy định này;

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thỏa thuận bằng văn bản để người đứng đầu các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nội dung quy định tại khoản 8 Điều 9 Quy định này.

5. Bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức; thăng hạng, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức:

a) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy định này;

b) Thông báo thi nâng ngạch công chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; thẩm định, thông báo kết quả xét nâng ngạch, chuyển ngạch khi có quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Trên cơ sở đề án, kế hoạch đã được phê duyệt, tham mưu tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

6. Quản lý số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

Tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề liên quan đến công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định hoặc khi được yêu cầu.

7. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung đối với người quản lý tại các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm, thẩm quyền của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, vị trí việc làm được phê duyệt, tổ chức xây dựng cơ cấu, tiêu chuẩn công chức, viên chức, kế hoạch biên chế của sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị mình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Riêng đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động xây dựng kế hoạch thống nhất với Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao, vị trí việc làm được phê duyệt và hướng dẫn của Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều này xây dựng cơ cấu, kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định tổ chức tuyển dụng đối với công chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng đối với viên chức.

2. Tuyển dụng công chức, viên chức và quản lý hợp đồng lao động:

a) Xây dựng cơ cấu, vị trí việc làm cần tuyển dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt;

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định trên cơ sở kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chỉ đạo người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc (đối với sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc trực tiếp (đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù) ký hợp đồng làm việc đối với viên chức trúng tuyển theo quy định;

d) Đề nghị Sở Nội vụ hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với công chức; Quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với viên chức không đạt yêu cầu hoặc bị xử lý kỷ luật trong thời gian tập sự;

đ) Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ thực hiện ký hoặc uỷ quyền ký hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, cho ý kiến về hợp đồng lao động tại đơn vị sự nghiệp công lập được giao biên chế.

Riêng hợp đồng lao động của sự nghiệp giáo dục và đào tạo cấp huyện: Báo cáo Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng (trừ các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 của Quy định này); đánh giá chất lượng, hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo, bồi dưỡng.

4. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, đình chỉ công tác, cho thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động:

a) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này trình Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy (đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý); trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các chức danh thuộc diện Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) để xem xét, quyết định;

b) Quyết định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ;

d) Thẩm định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề và các chế độ phụ cấp lương, nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở đối với các đơn vị trực thuộc; quyết định hoặc ủy quyền cho đơn vị trực thuộc quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức; thăng hạng, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 7 Quy định này (qua Sở Nội vụ);

b) Quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch, nâng ngạch, xếp lương công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống;

c) Quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch, xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III đối với chức danh giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở; hạng III đối với các viên chức giữ chức danh khác sau khi có thông báo kết quả của cấp có thẩm quyền.

6. Quản lý số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

a) Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý (kể cả hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh) theo quy định;

b) Thực hiện các nội dung quản lý về công tác cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị quyết định, đồng thời gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

7. Ngoài nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm, thẩm quyền:

a) Quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi cấp huyện từ các cơ quan, đơn vị thuộc khối Nhà nước đến công tác tại các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và ngược lại;

b) Quyết định điều động, tăng cường cán bộ, công chức, viên chức từ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp huyện về làm cán bộ, công chức cấp xã và điều động các cán bộ, công chức này trở lại làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp huyện;

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng của các đơn vị trực thuộc (đơn vị dự toán cấp I) sau khi có ý kiến của cơ quan nội vụ và tài chính cùng cấp.

8. Ngoài nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này người đứng đầu các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng của các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Nội vụ và Sở Tài chính.

Điều 10. Trách nhiệm, thẩm quyền của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái

Phối hợp với Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 7 Quy định này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái:

a) Có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung Quy định này. Trường hợp các văn bản của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương ban hành sau thời điểm văn bản này có hiệu lực có quy định khác, các cơ quan, đơn vị thống nhất với Sở Nội vụ báo cáo cấp có thẩm quyền trước khi quyết định áp dụng thực hiện;

b) Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

b) Trường hợp phát hiện người đứng đầu các sở, ban, ngành, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước tỉnh Yên Bái ban hành quyết định về nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không đúng thẩm quyền hoặc trái với Quy định này thì kiến nghị người ban hành bãi bỏ quyết định; trường hợp không bãi bỏ quyết định đã ban hành thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc cần bổ sung, sửa đổi đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy